NGUYỄN THỊ THANH VÂN (Chủ biên) HUỲNH NGUYÊN CHÍNH

GIÁO TRÌNH AN NINH MẠNG

(Dùng cho sinh viên ngành Công nghệ thông tin, An toàn thông tin)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2023 Tailieu.vn

LỚI NÓI ĐẦU

Giáo trình An ninh mạng là tài liệu phục vụ cho sinh viên ngành Công nghệ thông tin và An toàn thông tin thuộc chương trình đào tao 150 tín chỉ của Trường Đai học Sư pham Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. Tài liêu được biên soạn nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về an toàn thông tin, các nguy cơ tấn công và giải pháp an toàn trên cơ sở ha tầng mang, mang wifi, cũng như các ứng dung mang. Ngoài ra, tài liêu cũng đề cập đến các giao thức bảo mật mang như TLS, IPSec, PGP, SSH nhằm hỗ trơ các dịch vu mang hoat đông an toàn, đồng thời đưa ra các giải pháp tổng thể cho toàn hệ thống mang như Firewall, IDS/IPS. Tài liệu không chỉ đề cập đến những cơ sở lý thuyết mà còn trình bày một số kỹ năng cần thiết để khai thác các lỗ hồng, thực hiện tấn công; đồng thời thiết lập, cài đặt và quản tri hệ thống mạng một cách an toàn. Hy vọng tài liệu sẽ có ích cho các sinh viên và những người muốn xây dựng các hệ thống mang, quản tri an toàn các mang doanh nghiệp. Mặc dù đã rất cố gắng trong quá trình biên soan, nhưng tài liêu có thể vẫn còn thiếu sót trong trình bày, biên soan, nhóm tác giả mong nhân được những đóng góp của độc giả để tài liêu được hoàn thiên hơn trong những lần tái bản sau.

Nhóm tác giả

TailleU.vn

MÚC TÝC

MỤC LỤC	
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	12
DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH	
DANH MỤC BẨNG BIỂU	
CHƯƠNG 1 GIỚI THIỆU VỀ AN NINH MẠNG	21
1.1. Khái quát về mạng máy tính	21
1.1.1. Mô hình kết nối hệ thống mở OSI và TCP/IP	21
1.1.2. Giao thức TCP và UDP	23
1.1.3. Thiết lập kết nối trong TCP	24
1.1.4. Giao thức IP, địa chỉ IP và cổng	
1.1.5. Địa chỉ MAC và giao thức phân giải địa chỉ ARP	26
1.1.6. Dịch vụ phân giải tên miền DNS	28
1.1.7. Dịch vụ cấp phát IP động DHCP	28
1.1.8. Cơ chế chuyển dịch địa chỉ NAT	28
1.1.9. Các thiết bị mạng	29
1.1.10. Mạng riêng ảo VPN	30
1.2. An toàn thông tin trên mạng	31
1.2.1. CIA Triad	31
1.2.2. AAA - Authentication, Authorization, Accounting	32
1.2.3. Thuật ngữ về an toàn thông tin	33
1.3. Các nguy cơ về an toàn thông tin	34
1.4. Đối phó với các nguy cơ về an toàn thông tin	34
1.5. Các dạng tin tặc (hackers)	35
1.6. Quản lý sự cố	36
1.7. Tổng kết chương	37
1.8. Câu hỏi và bài tập	37
CHƯƠNG 2 ĐÁNH GIÁ AN TOÀN HỆ THỐNG MẠNG	
VÀ CÁC DỊCH VỤ MẠNG	41
2.1. Sự cần thiết của đánh giá an toàn mạng	41
2.1.1. Security Audit	41
2.1.2. Vulnerability Assessments	42
2.1.3. Penetration Testing	42
2.2. Các phương pháp đánh giá an toàn mạng	42
2.3. Footprinting và Reconnaissance	43

		43
2.3.2. Các dạng Fo	ootprinting	43
2.3.3. Enumeration	n – liệt kê thông tin mạng	46
2.3.4. Các công cụ	ı quét, liệt kê thông tin mạng	47
2.4. Scanning		49
2.4.1. Quét host		50
2.4.2. Quét cổng		52
2.4.3. Quét lỗ hồng	g	56
2.5. Penetration Test	ing	58
2.5.1. Hộp đen (Bl	lack box)	58
2.5.2. Hộp trắng (V	White box)	59
	Gray box)	
2.6. Đánh giá các dịc	h vụ mạng	59
2.6.1. Đánh giá cá	c dịch vụ mạng thông thường	59
2.6.2. Đánh giá cá	c dịch vụ mạng của Microsoft	74
_	c dịch vụ Email	
2.6.4. Đánh giá cá	c dịch vụ Web Server	89
0	5	
2.8. Câu hỏi ôn tập	••••••	95
	^	
	ÔNG MẠNG	
-	công mạng	
_ ,		
	onic	
322 Active Onlin	ne	100
	,	101
3.2.3. Passive Onla	ine	
3.2.3. Passive Onlo	sword	101
3.2.3. Passive Onl. 3.2.4. Default Pass 3.2.5. Offline	sword	101
3.2.3. Passive Onl 3.2.4. Default Pass 3.2.5. Offline 3.2.6. Cách phòng	sword chống tấn công mật khẩu	101 102 102
3.2.3. Passive Onl. 3.2.4. Default Pass 3.2.5. Offline 3.2.6. Cách phòng 3.3. Tấn công leo tha	sword	101102102102
3.2.3. Passive Onl. 3.2.4. Default Pass 3.2.5. Offline 3.2.6. Cách phòng 3.3. Tấn công leo tha 3.3.1. Khái niệm ta	sword	101102102102
3.2.3. Passive Onl. 3.2.4. Default Pass 3.2.5. Offline 3.2.6. Cách phòng 3.3. Tấn công leo tha 3.3.1. Khái niệm ta 3.3.2. Các dạng leo	sword	101102102102103
3.2.3. Passive Onl. 3.2.4. Default Pass 3.2.5. Offline 3.2.6. Cách phòng 3.3. Tấn công leo tha 3.3.1. Khái niệm ta 3.3.2. Các dạng lea 3.3.3. Phòng chống	sword	101102102102103
3.2.3. Passive Onl. 3.2.4. Default Pass 3.2.5. Offline 3.2.6. Cách phòng 3.3. Tấn công leo tha 3.3.1. Khái niệm ta 3.3.2. Các dạng leo 3.3.3. Phòng chống 3.4. Tấn công DoS (D	sword	101102102102103103
3.2.3. Passive Onlia. 3.2.4. Default Passible 3.2.5. Offline	chống tấn công mật khẩu	101102102103103104
3.2.3. Passive Onlia. 3.2.4. Default Passion 3.2.5. Offline	chống tấn công mật khẩu	101102102102103103104105
3.2.3. Passive Onlia. 3.2.4. Default Passible 3.2.5. Offline	chống tấn công mật khẩu	

3.4.5. Amplification DoS: DNS	109
3.4.6. Smurf	110
3.4.7. Ping of death	111
3.4.8. Cách phòng chống tấn công DoS	111
3.5. Tấn công Sniffing	112
3.5.1. Khái niệm Sniffing	112
3.5.2. Sniffing chủ động và thụ động	112
3.5.3. Cách phòng chống tấn công Sniffing	113
3.6. Tấn công Session Hijacking	114
3.6.1. Khái niệm Session Hijacking	114
3.6.2. Quá trình Session Hijacking	114
3.6.3. Các dạng Session Hijacking	115
3.6.4. Cách phòng chống tấn công Session Hijacking	116
3.7. Tấn công Web Server	117
3.7.1. Các sự cố bảo mật Web Server	117
3.7.2. Các tấn công Web Server	117
3.7.3. Các phương pháp tấn công Web Server	118
3.7.4. Cách phòng chống tấn công Web Server	119
3.8. Tấn công ứng dụng Web	120
3.8.1. Các mối đe dọa ứng dụng Web	120
3.8.2. Các phương pháp tấn công ứng dụng Web	
3.8.3. Cách phòng chống tấn công ứng dụng Web	122
3.9. Tấn công SQL Injection	122
3.9.1. Khái niệm SQL Injection	122
3.9.2. Các dạng SQL Injection	123
3.9.3. Các phương pháp tấn công SQL Injection	124
3.9.4. Cách phòng chống tấn công SQL Injection	125
3.10. Tấn công Social Engineering	125
3.10.1. Khái niệm Social Engineering	125
3.10.2. Các giai đoạn tấn công Social Engineering	125
3.10.3. Các hình thức tấn công Social Engineering	126
3.10.4. Phòng chống tấn công Social engineering	127
3.11. Mã độc tấn công mạng	127
3.11.1. Khái niệm về mã độc tấn công mạng	
3.11.2. Các dạng mã độc và phòng chống	128
3.12. Tổng kết chương	134
3.13. Câu hỏi và bài tâp	

CHƯƠNG 4 AN TOÁN CƠ SƠ HẠ TẦNG MẠNG	
4.1. Giới thiệu về an toàn hạ tầng mạng	141
4.1.1. Hạ tầng mạng và các nguy cơ	141
4.1.2. Chức năng của an toàn hạ tầng mạng	143
4.1.3. Các thách thức với an toàn hạ tầng mạng	144
4.2. An toàn hạ tầng mạng – phần Switching	
4.2.1. Hoạt động của Switch và các nguy cơ	
4.2.2. Tấn công MAC Flooding	
4.2.3. Tấn công ARP Poisoning	
4.2.4. Tấn công STP	
4.2.5. Tấn công VLAN	156
4.2.6. Thực nghiệm các tấn công phần Switching	
4.3. An toàn hạ tầng mạng – phần Routing	
4.3.1. Hoạt động định tuyến và các nguy cơ	
4.3.2. Tấn công External và Internal	
4.3.3. Tấn công giao thức RIP và phương pháp phòng chống	
4.3.4. Tấn công giao thức OSPF và phương pháp phòng chống	
4.3.5. Tấn công giao thức BGP và phương pháp phòng chống	183
4.4. An toàn hạ tầng mạng – Dịch vụ địa chỉ, tên miền	
4.4.1. Các dạng tấn công DHCP	191
4.4.2. Các dạng tấn công DNS	196
4.5. Bảo vệ cơ sở hạ tầng mạng - Phương pháp tiếp cận mới	200
4.5.1. Nguồn gốc vấn đề bảo mật của cơ sở hạ tầng mạng	
4.5.2. Tách và phân tầng cơ sở hạ tầng mạng	200
4.5.3. Tách lớp 2 cơ sở hạ tầng mạng - Lọc địa chỉ MAC	202
4.5.4. Phân cấp cơ sở hạ tầng mạng trong mạng STP	
4.5.5. Phân tách cơ sở hạ tầng mạng lớp 3	205
4.5.6. Một cơ sở hạ tầng mạng hoàn toàn ẩn – một định hướng mới.	257
4.6. Tổng kết chương	208
4.7. Câu hỏi và bài tập	208
CHƯƠNG 5 CÁC GIAO THỨC AN TOÀN MẠNG	212
5.1. Bảo mật tầng trong TCP/IP	212
5.2. Giao thức bảo mật tầng Network – IPSec	
5.2.1. Giới thiệu IPSec	
5.2.2. Các thành phần của IPSec	216
5.2.3. Giao thức AH và ESP	217

5.2.4. Chế độ truyền	218
5.2.5. Quản lý khóa IKE - Internet Key Exchange	221
5.2.6. Thuật toán mã hóa trong IPSec	225
5.2.7. Chính sách IPsec	227
5.3. Giao thức bảo mật tầng Transport	228
5.3.1. Giới thiệu SSL	228
5.3.2. Các khái niệm trong SSL	229
5.3.3. Kiến trúc SSL	232
5.3.4. Giao thức TLS – Transport Layer Security	235
5.4. Giao thức bảo mật tầng Application	237
5.4.1. Giao thức HTTPS	
5.4.2. Giao thức SSH	239
5.4.3. Giao thức PGP.	246
5.4.4. Chuẩn S/MIME	253
5.5. Tổng kết chương	257
5.6. Câu hỏi và bài tập	257
CHƯƠNG 6 AN TOÀN MẠNG KHÔNG DÂY	261
6.1. Các nguy cơ của mạng Wireless	261
6.2. Bảo mật mạng Wireless	261
6.2.1. Wired Equivalent Privacy (WEP)	262
6.2.2. Chuẩn bảo mật IEEE 802.11i	263
6.2.3. WiFi Protected Access (WPA), WPA2, WPA3	271
6.3. Bảo mật tầng vận chuyển mạng không dây	272
6.3.1. Giới thiệu WTLS (Wireless Transport Layer Security)	
6.3.2. Kiến trúc WTLS	273
6.3.3. So sánh TLS và WTLS	27/
0.5.5. 50 bain 1L5 va vi 1L5	∠/¬
6.4. Các tấn công mạng WiFi và giải pháp phòng chống	
	275
6.4. Các tấn công mạng WiFi và giải pháp phòng chống	275 275
6.4. Các tấn công mạng WiFi và giải pháp phòng chống 6.4.1. Tấn công dựa vào các tiêu chuẩn của an toàn thông tin	2 75 275275
6.4. Các tấn công mạng WiFi và giải pháp phòng chống	275 275 275
 6.4. Các tấn công mạng WiFi và giải pháp phòng chống 6.4.1. Tấn công dựa vào các tiêu chuẩn của an toàn thông tin 6.4.2. Tấn công dựa vào đặc điểm mạng không dây 6.5. Giải pháp phòng chống tấn công WiFi 	275 275 275 278 279
 6.4. Các tấn công mạng WiFi và giải pháp phòng chống	275 275 275 278 279
 6.4. Các tấn công mạng WiFi và giải pháp phòng chống	275 275 275 278 279 279

CHƯƠNG 7 GIẢI PHÁP AN TOÁN MẠNG	287
7.1. Firewall	287
7.1.1. Giới thiệu Firewall	287
7.1.2. Các dạng Firewall	288
7.1.3. Kiến trúc của Firewall	297
7.1.4. Thiết kế Firewall	299
7.2. IDS - Intrusion detection system	303
7.2.1. Khái niệm	303
7.2.2. Kiến trúc và hoạt động IDS	304
7.2.3. Phân loại IDS	304
7.3. IPS - Intrusion Prevention Systems	307
7.3.1. Khái niệm	307
7.3.2. Phân loại	
7.3.3. Triển khai IDS/IPS	308
7.4. Tổng kết chương	309
7.5. Câu hỏi và bài tập	309
CHƯƠNG 8 AN TOÀN ĐIỆN TOÁN ĐÁM MÂY	313
8.1. Các thành phần của điện toán đám mây	313
8.1.1. Giới thiệu	313
8.1.2. Dịch vụ của điện toán đám mây	313
8.1.3. Các đặc tính của điện toán đám mây	314
8.1.4. Các mô hình triển khai của điện toán đám mây	315
8.2. Các rủi ro với điện toán đám mây	315
8.2.1. Lạm dụng và sử dụng bất chính điện toán đám mây	316
8.2.2. Giao diện và API không an toàn	316
8.2.3. Nội gián độc hại	316
8.2.4. Các vấn đề chia sẻ	316
8.2.5. Mất hoặc rò rỉ dữ liệu	317
8.2.6. Chiếm đoạt tài khoản hoặc dịch vụ	317
8.2.7. Các rủi ro không xác định	317
8.3. Bảo vệ dữ liệu trong đám mây	
8.3.1. Đặc điểm dữ liệu trong đám mây	
8.3.2. Một giải pháp bảo mật dữ liệu trong đám mây	
8.4. Dịch vụ bảo mật điện toán đám mây	
8.4.1. Quản lý danh tính và truy cập (IAM)	
8.4.2. Ngăn ngừa mất mát dữ liệu (DLP)	
8.4.3. Bảo mật web và email	

TÀI LIỆU THAM KHẢO	327
8.6. Câu hỏi và bài tập	322
8.5. Tổng kết chương	322
8.4.8. An ninh mạng	322
8.4.7. Tính liên tục trong kinh doanh và phục hồi sau thảm họa.	322
8.4.6. Mã hóa	321
8.4.5. Quản lý xâm nhập, sự kiện và thông tin an toàn (SIEM)	321
8.4.4. Đánh giá bảo mật	321



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Viết tắt	Nội dung	Viết tắt	Nội dung
OSI	Open Systems Interconnection Reference	CIA	Confidentiality Integrity Availability
ARP	Address Resolution Protocol	RIP	Routing Information Protocol
RARP	Reverse ARP	OSPF	Open Shortest Path First
MAC	Media Access Control	VLAN	Virtual Local Area Network
TCP	Transmission Control Protocol	EIGRP	Enhanced Interior Gateway Routing Protocol
UDP	User Datagram Protocol	STP	Spanning Tree Protocol
IP	Internet Protocol	NAT	Network Address Translation
HTTP	Hypertext Transfer Protocol	VTP	VLAN Trunking Protocol
FTP	File Transfer Protocol	_	
DHCP	Dynamic Host Configuration Protocol	AAA	Authentication Authority Accouting
DNS	Domain Name System	EFS	Encrypted File Service
SMTP	Simple Mail Transfer Protocol	SNMP	Simple Network Management Protocol
POP	Post Office Protocol	ACL	Access Control List
BSS	Basic service sets	IDS	Intrusion Detection System
AP	Access Point	DoS	Denial of Service
SSID	Service Set Identifier	DDoS	Distributed Dos
AES	Avanced Encryption Standard	SIEM	Security Information and Event Management
DES	Data Encryption Standard	IPS	Intrusion Prevention Systems
S/ MIME	Secure / Multipurpose Internet Mail Extension	CIDR	Classless Inter-Domain Routing
SSL	Security Socket Layer	AH	Authentication Header
TLS	Transport Layer Security	ESP	Encapsulating Security Payload
PGP	Pretty Good Privacy	IKE	Internet Key Exchange
SSH	Secure Shell		
IPSec	Internet Protocol Security		

DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH

Hình 1.1: Mô hình OSI và chức năng các tẩng	21
Hình 1.2: So sánh mô hình OSI và TCP/IP	22
Hình 1.3: Quá trình bắt tay ba bước của TCP	24
Hình 1.4: Các gói tin bắt được từ quá trình bắt tay ba bước	24
Hình 1.5: Lệnh xem địa chỉ MAC của các card mạng	26
Hình 1.6: Hoạt động của giao thức ARP	27
Hình 1.7: Kỹ thuật NAT	29
Hình 1.8: Mô hình kết nối các thiết bị mạng	30
Hình 1.9: Kỹ thuật VPN	30
Hình 1.10: Mô hình CIA	
Hình 1.11: Ví dụ ứng dụng AAA	33
Hình 1.12: Bảo mật nhiều lớp	35
Hình 2.1: Các dạng đánh giá bảo mật mạng	41
Hình 2.2: Nmap	47
Hình 2.3: Zenmap	48
Hình 2.4: NetScanTools Pro	48
Hình 2.5: Superscan	49
Hình 2.6: MegaPing	51
Hình 2.7: Advanced IP Scanner	52
Hình 2.8: Full Scan	53
Hình 2.9: SYN Scan	53
Hình 2.10: FIN Scan	54
Hình 2.11: XMAS Scan	54
Hình 2.12: NULL Scan	54
Hình 2.13: UDP Scan	55
Hình 2.14: Idle Scan	55
Hình 2.15: Dùng Nmap quét lỗ hổng MS17-010	57
Hình 2.16: Nessus	57
Hình 3.1: Tấn công DoS	104
Hình 3.2: Tấn công SYN Flood	105
Hình 3.3: Tấn công UDP Flood	106
Hình 3.4: Tấn công HTTP Flood	106
Hình 3.5: Tấn công ICMP Flood	
Hình 3.6: Tấn công giả mạo IP	

Hình 3.7: Tân công giả mạo cờ SYN	108
Hình 3.8: Tấn công Distributed DoS (DDoS)	108
Hình 3.9: Tấn công Reflection DoS	109
Hình 3.10: Tấn công Amplification DoS	109
Hình 3.11: Tấn công DNS Amplification	110
Hình 3.12: Tấn công Smurf	110
Hình 3.13: Tấn công Ping of Death	
Hình 3.14: Tấn công Sniffing	
Hình 3.15: Sniffing chủ động và bị động	
Hình 3.16: Tấn công Session Hijacking	114
Hình 3.17: Tấn công Session Hijacking chủ động	115
Hình 3.18: Tấn công Session Hijacking bị động	115
Hình 3.19: Firewall, IDS/IPS trong bảo mật Web Server	119
Hình 3.20: Hoạt động của SQL Injection	123
Hình 3.21: Social Engineering	125
Hình 3.22: Các giai đoạn tấn công Social Engineering	125
Hình 3.23: Chu trình hoạt động của virus	
Hình 4.1: Các thành phần trong cơ sở hạ tầng mạng	141
Hình 4.2: Hoạt động cập nhật bảng CAM [4]	147
Hình 4.3: Minh họa tấn công MAC Flooding [4]	148
Hình 4.4: Hoạt động của giao thức ARP	149
Hình 4.5: Tấn công ARP Poisoning [4]	150
Hình 4.6: Mọi traffic đều đổ về Host-X [4]	150
Hình 4.7: Sơ đồ kết nối các Switch dự phòng	152
Hình 4.8: Hoạt động của STP [4]	153
Hình 4.9: Thay đổi luồng lưu lượng mạng [4]	154
Hình 4.10: Minh họa chức năng BPDU Guard [4]	155
Hình 4.11: Minh họa chức năng Root Guard [4]	156
Hình 4.12: Mạng VLAN dùng đường trunk	157
Hình 4.13: Định dạng VLAN frame	157
Hình 4.14: Hoạt động của VLAN Frame tagging	158
Hình 4.15: Autotrunking trên Switch [4]	159
Hình 4.16: Minh họa tấn công VLAN double tagging [4]	160
Hình 4.17: Sơ đồ mạng thực hiện tấn công MAC Flooding [4]	161
Hình 4.18: Hiển thị bảng CAM trên Switch	
Hình 4.19: Thực hiện tấn công bằng macof	

Hình 4.20: Bảng CAM với nhiều MAC giả mạo	162
Hình 4.21: Bật chế độ bảo vệ trên Et0/2	163
Hình 4.22: Sơ đồ mạng thực hiện tấn công ARP Poisoning [4]	163
Hình 4.23: Kiểm tra bảng cache ARP dùng arp	163
Hình 4.24: Cấu hình forward gói tin	163
Hình 4.25: Dùng Wireshark bắt gói tin	164
Hình 4.26: Traffic giữa Host A và Host đều tới máy Attacker	164
Hình 4.27: Sơ đồ thực hiện tấn công STP	165
Hình 4.28: Xem thông tin STP	166
Hình 4.29: Tấn công chiếm quyền Root Bridge trên Yersinia	166
Hình 4.30: Cảnh báo STP tại Switch 1	167
Hình 4.31: Cấu hình PortFast và BPDU Guard	167
Hình 4.32: Cổng f1/0 đóng khi có dấu hiệu tấn công	168
Hình 4.33: Kiểm tra CPU của Switch trước tấn công: <5%	168
Hình 4.34: Số lượng BPDU nhận được trước tấn công: 0	168
Hình 4.35: Tấn công STP DoS trên Yersinia	169
Hình 4.36: CPU của Switch sau tấn công: 65%-75%	169
Hình 4.37: Số lượng BPDU nhận được sau tấn công: 1869888	170
Hình 4.38: Sơ đồ mạng tấn công VLAN	170
Hình 4.39: Kiểm tra VLAN trên Switch và trạng thái VLAN	171
Hình 4.40: Cấu hình Dynamic Desirable	171
Hình 4.41: Bật trunking trên Yersinia	172
Hình 4.42: Trạng thái trunk của Gi0/0	172
Hình 4.43: Các VLAN được phép hoạt động trên port Gi0/0	172
Hình 4.44: Nguồn tấn công Internal và External [4]	174
Hình 4.45: Ví dụ về chữ ký số cho việc cập nhật định tuyến	176
Hình 4.46: Trường hợp cập nhật định tuyến đúng [4]	178
Hình 4.47: Trường hợp cập nhật định tuyến sai [4]	179
Hình 4.48: Ví dụ thuật toán PAIR [4]	181
Hình 4.49: Cập nhật không hợp lệ [4]	181
Hình 4.50: Minh họa tấn công Prefix Hijacking [4]	184
Hình 4.51: Minh họa tấn công Prefix De-aggregation [4]	185
Hình 4.52: Giải pháp lọc đường đi [4]	187
Hình 4.53: Hoạt động của S-BGP [4]	188
Hình 4.54: Hoạt động của so-BGP [4]	
Hình 4.55: Hoạt động của IRV [4]	

Hình 4.56: Tấn công DoS DHCP Server dùng Address Starvation [4]	. 192
Hình 4.57: Tấn công DoS DHCP Server với Yersinia	. 192
Hình 4.58: Tấn công MITM dùng DHCP Server giả mạo [4]	. 193
Hình 4.59: Giả mạo DHCP dùng Yersinia	. 194
Hình 4.60: Chuyển hướng DNS dùng DHCP Server giả mạo [4]	. 195
Hình 4.61: Sơ đồ mạng giải pháp DHCP snooping	. 196
Hình 4.62: Các thành phần và hoạt động của DNSSEC	. 199
Hình 4.63: Một mạng có sự tách biệt về cơ sở hạ tầng mạng [4]	. 201
Hình 4.64: Network Infrastructure Switch (NI-Switch) [4]	. 202
Hình 4.65: Một mạng chuyển mạch với t tầng của các Switch [4]	. 204
Hình 4.66: Cổng Higher Tier và cổng Lower Tier trên Switch [4]	. 204
Hình 4.67: ERS hoạt động trong một mạng thông thường [4]	. 206
Hình 4.68: Sơ đồ minh họa một cơ sở hạ tầng mạng ẩn [4]	. 207
Hình 5.1: Các giao thức bảo mật trong TCP/IP	. 213
Hình 5.2: IPSec trong TCP/IP	. 214
Hình 5.3: Một ví dụ sử dụng IPSec	. 215
Hình 5.4: Các thành phần của IPSec	. 216
Hình 5.5: Định dạng gói tin AH	. 217
Hình 5.6: Định dạng gói tin ESP	. 217
Hình 5.7: Chế độ Transport với giao thức AH, ESP và kết hợp	. 219
Hình 5.8: Chế độ Tunnel với giao thức AH, ESP và kết hợp	. 219
Hình 5.9: Mạng bảo mật theo chế độ Transport	. 220
Hình 5.10: Mạng VPN site to site theo chế độ Tunnel	. 221
Hình 5.11: Trao đổi IKE	. 223
Hình 5.12: Định dạng gói tin giao thức IKE	. 223
Hình 5.13: Quá trình hoạt động của IKE	. 224
Hình 5.14: Mối quan hệ giữa SAD và SPD	. 227
Hình 5.15: Hoạt động cấp chứng chỉ	. 231
Hình 5.16: Kiến trúc SSL	. 232
Hình 5.17: Hoạt động của giao thức SSL Record [1]	. 232
Hình 5.18: Hoạt động của giao thức Handshake	. 235
Hình 5.19: Khởi tạo kết nối trong HTTPS	. 238
Hình 5.20: Kiến trúc SSH	
Hình 5.21: Định dạng gói tin giao thức lớp truyền tải SSH [1]	. 241
Hình 5.22: Trao đổi thông điệp trong giao thức lớp truyền tải SSH	. 242
Hình 5.23: Trao đổi thông điệp trong giao thức kết nối [1]	. 245

Hình 5.24: Chuyển tiếp cổng [1]	. 246
Hình 5.25: Hoạt động dịch vụ xác thực	. 248
Hình 5.26: Hoạt động dịch vụ bảo mật	. 248
Hình 5.27: Hoạt động dịch vụ xác thực và bảo mật	. 248
Hình 5.28: Truyền và nhận thông điệp PGP	. 250
Hình 5.29: Vòng khóa riêng và vòng khóa công khai	. 251
Hình 5.30: Định dạng gói tin PGP	. 252
Hình 6.1: Mã hóa trong WEP	. 262
Hình 6.2: Giải mã trong WEP	. 262
Hình 6.3: Các thành phần của IEEE 802.11i [1]	. 263
Hình 6.4: 5 giai đoạn hoạt động của 802.11i [1]	. 265
Hình 6.5: Giai đoạn khám phá khả năng, xác thực và liên kết [1]	. 266
Hình 6.6: Điều khiển truy xuất theo chuẩn 802.1X	. 267
Hình 6.7: Phân cấp khóa cặp [1]	. 268
Hình 6.8: Phân cấp khóa nhóm [1]	. 268
Hình 6.9: Phân phối khóa cặp [1]	. 269
Hình 6.10: Phân phối khóa nhóm [1]	
Hình 6.11: Kiến trúc của WTLS	. 273
Hình 6.12: Tấn công Rogue Access Point	. 276
Hình 6.13: Tấn công Client Mis-association	. 276
Hình 6.14: Tấn công Misconfigured Access Point	. 277
Hình 6.15: Tấn công Unauthorized Association	. 277
Hình 6.16: Tấn công Ad Hoc Connection	. 278
Hình 6.17: Tấn công Jamming Signal	. 278
Hình 6.18: Hiển thị thông tin của các AP	. 280
Hình 6.19: Quá trình hủy xác thực	
Hình 6.20: Lấy mật khẩu dựa vào quá trình bắt tay	
Hình 6.21: Lấy mật khẩu thành công	
Hình 7.1: Một hệ thống Firewall.	
Hình 7.2: Firewall tại các layer của mô hình OSI	
Hình 7.3: Packet filter firewall	
Hình 7.4: Application gateway firewalls	
Hình 7.5: Ví dụ về Connection Gateway Firewall	
Hình 7.6: Ví dụ về Cut-Through Proxy Firewalls	
Hình 7.7: Circuit-level gateways	
Hình 7.8: Ví du về Address-translation firewalls	. 295

Hình 7.10: Kiến trúc Dual-homed Host	Hình 7.9: Host-based firewalls	296
Hình 7.12: Kiến trúc Screened Subnet Host	Hình 7.10: Kiến trúc Dual-homed Host	297
Hình 7.13: Thiết kế Firewall với Single DMZ - Single segment	Hình 7.11: Kiến trúc Screened Host	298
Hình 7.14: Thiết kế Firewall Single DMZ – Service leg segment	Hình 7.12: Kiến trúc Screened Subnet Host	299
Hình 7.15: Thiết kế Firewall với Multiple DMZs 302 Hình 7.16: Thiết kế Firewall với Internal DMZ 302 Hình 7.17: Kiến trúc hệ thống IDS 302 Hình 7.18: Hoạt động Signature-based IDS 302 Hình 7.19: Hoạt động của Anomaly-Based 302 Hình 7.20: Network-based IDS 302 Hình 7.21: Host-based IDS 302 Hình 7.22: Chế độ Inline 302 Hình 7.23: Chế độ Passive 302 Hình 8.1: Mô hình dịch vụ cơ bản của điện toán đám mây 312 Hình 8.2: Mô hình triển khai của điện toán đám mây 312 Hình 8.3: Mô hình mã hóa cơ sở dữ liệu trong đám mây 312	Hình 7.13: Thiết kế Firewall với Single DMZ - Single segment	301
Hình 7.16: Thiết kế Firewall với Internal DMZ 30.3 Hình 7.17: Kiến trúc hệ thống IDS 30.4 Hình 7.18: Hoạt động Signature-based IDS 30.5 Hình 7.19: Hoạt động của Anomaly-Based 30.5 Hình 7.20: Network-based IDS 30.6 Hình 7.21: Host-based IDS 30.7 Hình 7.22: Chế độ Inline 30.9 Hình 7.23: Chế độ Passive 30.9 Hình 8.1: Mô hình dịch vụ cơ bản của điện toán đám mây 31.4 Hình 8.2: Mô hình triển khai của điện toán đám mây 31.9 Hình 8.3: Mô hình mã hóa cơ sở dữ liệu trong đám mây 31.9	Hình 7.14: Thiết kế Firewall Single DMZ – Service leg segment	302
Hình 7.17: Kiến trúc hệ thống IDS 304 Hình 7.18: Hoạt động Signature-based IDS 305 Hình 7.19: Hoạt động của Anomaly-Based 305 Hình 7.20: Network-based IDS 306 Hình 7.21: Host-based IDS 307 Hình 7.22: Chế độ Inline 309 Hình 7.23: Chế độ Passive 309 Hình 8.1: Mô hình dịch vụ cơ bản của điện toán đám mây 314 Hình 8.2: Mô hình triển khai của điện toán đám mây 315 Hình 8.3: Mô hình mã hóa cơ sở dữ liệu trong đám mây 315	Hình 7.15: Thiết kế Firewall với Multiple DMZs	302
Hình 7.18: Hoạt động Signature-based IDS 305 Hình 7.19: Hoạt động của Anomaly-Based 305 Hình 7.20: Network-based IDS 306 Hình 7.21: Host-based IDS 307 Hình 7.22: Chế độ Inline 305 Hình 7.23: Chế độ Passive 305 Hình 8.1: Mô hình dịch vụ cơ bản của điện toán đám mây 315 Hình 8.2: Mô hình triển khai của điện toán đám mây 315 Hình 8.3: Mô hình mã hóa cơ sở dữ liệu trong đám mây 315	Hình 7.16: Thiết kế Firewall với Internal DMZ	303
Hình 7.19: Hoạt động của Anomaly-Based 305 Hình 7.20: Network-based IDS 306 Hình 7.21: Host-based IDS 307 Hình 7.22: Chế độ Inline 309 Hình 7.23: Chế độ Passive 309 Hình 8.1: Mô hình dịch vụ cơ bản của điện toán đám mây 314 Hình 8.2: Mô hình triển khai của điện toán đám mây 315 Hình 8.3: Mô hình mã hóa cơ sở dữ liệu trong đám mây 315	Hình 7.17: Kiến trúc hệ thống IDS	304
Hình 7.20: Network-based IDS 306 Hình 7.21: Host-based IDS 307 Hình 7.22: Chế độ Inline 309 Hình 7.23: Chế độ Passive 309 Hình 8.1: Mô hình dịch vụ cơ bản của điện toán đám mây 314 Hình 8.2: Mô hình triển khai của điện toán đám mây 315 Hình 8.3: Mô hình mã hóa cơ sở dữ liệu trong đám mây 315	Hình 7.18: Hoạt động Signature-based IDS	305
Hình 7.21: Host-based IDS 30° Hình 7.22: Chế độ Inline 30° Hình 7.23: Chế độ Passive 30° Hình 8.1: Mô hình dịch vụ cơ bản của điện toán đám mây 31° Hình 8.2: Mô hình triển khai của điện toán đám mây 31° Hình 8.3: Mô hình mã hóa cơ sở dữ liệu trong đám mây 31°	Hình 7.19: Hoạt động của Anomaly-Based	305
Hình 7.23: Chế độ Passive	Hình 7.20: Network-based IDS	306
Hình 7.23: Chế độ Passive	Hình 7.21: Host-based IDS	307
Hình 7.23: Chế độ Passive	Hình 7.22: Chế độ Inline	309
Hình 8.2: Mô hình triển khai của điện toán đám mây		
Hình 8.3: Mô hình mã hóa cơ sở dữ liệu trong đám mây319	Hình 8.1: Mô hình dịch vụ cơ bản của điện toán đám mây	314
	Hình 8.2: Mô hình triển khai của điện toán đám mây	315
Hình 8.4: Mô hình dịch vụ bảo mật điện toán đám mậy	Hình 8.3: Mô hình mã hóa cơ sở dữ liệu trong đám mây	319
1111111 Of the 1111111 digit the case that digit tout duffit that	Hình 8.4: Mô hình dịch vụ bảo mật điện toán đám mây	320

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1	.1: Các giao thức ở từng tâng của mô hình OSI	22
Bảng 1	.2: Bảng so sánh TCP và UDP	23
Bång 1	.3: Các cổng dịch vụ thông dụng	26
Bảng 1	.4: Một số tấn công vào bộ ba CIA	32
Bång 2	2.1: Cổng, dịch vụ và thông tin thông thường	47
Bång 2	2.2: Port và giao thức các dịch vụ thông thường	59
Bảng 2	2.3: Cơ chế xác thực SSH phổ biến	65
Bảng 2	2.4: Port và giao thức các dịch vụ độc quyền của Microsoft	74
Bång 2	2.5: Các dịch vụ của Microsoft sử dụng các giao thức	75
Bảng 2	2.6: Port và giao thức các dịch vụ email	82
Bảng 4	l.1: Các mối đe dọa của cơ sở hạ tầng mạng	. 142
Bảng 4	1.2: Các hậu quả của tấn công cơ sở hạ tầng mạng	. 142
Bảng 4	1.3: Các mối đe dọa của tấn công External	. 175
Bảng 4	l.4: Lọc khung tại cổng NNI	. 203
Bảng 4	1.5: Bảng so sánh các giải pháp	. 208
Bảng 5	5.1: Các bộ mã hóa cho mạng VPN	. 226
Bảng 5	5.2: Các thuật toán và thông số cho hai bộ của NSA	. 226
Bång 5	5.3: Các kiểu thông báo của giao thức Handshake	. 235
Bång 5	5.4: Một số khác biệt cơ bản của TLS so với SSL	. 257
Bång 5	5.5: Các đặc điểm kỹ thuật của PGP và openPGP	. 247
Bång 5	5.6: Các kiểu nội dung của S/MIME	. 256
Bång 6	5.1: Các dịch vụ, giao thức và thuật toán trong IEEE 802.11i	. 264
Bång 6	5.2: Bảng so sánh TLS và WTLS	. 274
Bång 6	5.3: Các tiêu chuẩn bị phá vỡ bởi các tấn công	. 275
Bảng 7	'.1: Ví dụ về rule được thiết lập trong tường lửa lọc gói	. 289
Bảng 7	'.2: Ví dụ về bảng trạng thái	. 291

TOILIBUNG